TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HS-ST
Ngày: 29-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quãng Thanh Tú

Bà Huỳnh Bích Như

Ông Nguyễn Thanh Nhã

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Kim Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Thân Thị Hồng Nở, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2022/TLST - HS, ngày 29 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Thị H, sinh năm: 1965, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M, sinh năm 1941 (đã chết), và Phạm Thị L, sinh năm 1947 (đã chết); có chồng và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/12/2021 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị H: Luật sư Trần Thị Đ, Văn phòng Luật sư Nguyên P, thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh, bào chữa theo chỉ định (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị hại:*

1/ Biện Thị Ch, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: ấp H, xã L, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/ Biện Thị Nh, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

3/ Biện Thị Th, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

4/ Biện Thị C, sinh năm: 1957. Nơi cư trú: S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

5/ Biện Thị Nh, sinh năm: 1980. Nơi cư trú: S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

6/ Châu Thị H, sinh năm: 1976. Nơi cư trú: ấp P, xã L, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

7/ Đặng Thị H, sinh năm: 1972. Nơi cư trú: S, xã N, huyện C, tỉnh Trà vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

8/ Đặng Thị L, sinh năm: 1977. Nơi cư trú: S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

9/ Đỗ Thị Huỳnh L, sinh năm: 1996. Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện L, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

10/ Đỗ Thị Bích V, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

11/ Dương Thị Tr, sinh năm: 1981. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

12/ Hồ Thị Bé Ch, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: ấp P, xã L, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

13/ Hồ Thị Lan Th, sinh năm: 1977. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

14/ Hồ Thị Tr, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

15/ Huỳnh Minh H, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh., tỉnh Trà Vinh. (Có đơn)

16/ Huỳnh Minh M, sinh năm: 2003. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có đơn)

17/ Huỳnh Thanh E, sinh năm: 1981. Nơi cư trú: ấp K, xã L, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

18/ Huỳnh Thị Hồng E, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

19/ Huỳnh Thị N, sinh năm: 1957. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

20/ Huỳnh Thị A, sinh năm: 1995. Nơi cư trú: ấp E, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

21/ Kim Thị D, sinh năm: 1964. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

22/ Lê Ngọc T, sinh năm:1990. Nơi cư trú: E, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

23/ Lê Thanh S, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

24/ Lê Thị Giàu E, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: ấp Tân Phúc, xã Đ, huyện L, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

25/ Lê Thị K, sinh năm: 1948. Nơi cư trú: ấp H, xã L, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

26/ Dương Văn Đ, sinh năm: 1963. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

27/ Lê Thị Hồng R, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

28/ Lê Thị N, sinh năm: 1958. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

29/ Lê Thị Th, sinh năm: 1972. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

30/ Lê Thị O, sinh năm: 1989. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

31/ Lê Thị Thu N, sinh năm: 1968. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

32/ Lê Thị T, sinh năm: 1953. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

33/ Lê Thị U, sinh năm: 1968. Nơi cư trú: số A, đường L, khóm R, Phường D, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

34/ Lê Thị X, sinh năm: 1952. Nơi cư trú: ấp P, xã L, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

35/ Lê Văn D, sinh năm: 1954. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

36/ Lê Văn V, sinh năm: 1980. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.(Có mặt)

37/ Lư Thanh S, sinh năm: 1980. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

38/ Lưu Thị Mỹ G, sinh năm: 1975. Nơi cư trú: ấp H, xã L, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

39/ Lý Thị Ngọc Th, sinh năm: 1978. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

40/ Mạch Thị Kim D, sinh năm: 1967. Nơi cư trú: ấp H, xã L, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

41/ Nguyễn Phượng H, sinh năm: 1993. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có đơn)

42/ Nguyễn Thị B, sinh năm: 1952. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

43/ Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 1995. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

44/ Nguyễn Thị X, sinh năm: 1960. Nơi cư trú: ấp H, xã L, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (Có đơn)

45/ Nguyễn Thị Kiều A, sinh năm: 1978. Nơi trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

46/ Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: ấp O, xã U, huyện L, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

47/ Nguyễn Thị Ư, sinh năm: 1972. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

48/ Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: ấp E, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

49/ Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1974. Nơi cư trú: ấp H, xã L, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

50/ Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1964. Nơi cư trú: S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

51/ Nguyễn Thị T, sinh năm: 1960. Nơi cư trú: E, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

52/ Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

53/ Nguyễn Thị Tú A, sinh năm: 1978. Nơi cư trú: ấp H, xã L, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

54/ Nguyễn Văn K, sinh năm:1956. Nơi cư trú: ấp E, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

55/ Nguyễn Văn S, sinh năm:1970. Nơi cư trú: ấp E, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

56/ Nguyễn Văn T, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

57/ Nguyễn Văn Th, sinh năm:1971. Nơi cư trú: ấp P, xã L, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

58/ Phạm Thị B, sinh năm:1973. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

59/ Phạm Thị G, sinh năm: 1976. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

60/ Phạm Thị H, sinh năm: 1980. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

61/ Phạm Thị P, sinh năm: 1979. Nơi cư trú: ấp H, xã L, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

62/ Phạm Thị Ơ, sinh năm: 1989. Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện L, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

63/ Phan Thị I, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: ấp E, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

64/ Quách Minh T, sinh năm: 1989. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt không có lý do)

65/ Quách Thị Ch, sinh năm: 1960. Nơi cư trú: ấp H, xã L, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

66/ Quách Thị C, sinh năm:1978. Nơi cư trú: ấp E, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

67/ Quách Thị V, sinh năm:1974. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

68/ Quách Thị R, sinh năm: 1972. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

69/ Quách Thị Thùy N, sinh năm: 1977. Nơi cư trú: ấp S, xã A, huyện L, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

70/ Sơn Thị Mỹ L, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

71/ Tăng Thị Hồng L, sinh năm: 1954. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

72/ Tô Thị Y, sinh năm: 1974. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

73/ Trần Anh Tuyết Ph, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

74/ Trần Thị M, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: ấp E, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

75/ Trần Thị D, sinh năm: 1971. Nơi cư trú: số H, U, khóm L, Phường D, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

76/ Trần Thị P, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: ấp E, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

77/ Trần Thị Y, sinh năm: 1962. Nơi cư trú: ấp H, xã L, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

78/ Trần Thúy O, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

79/ Trương Thị Hồng S, sinh năm: 1977. Nơi cư trú: ấp P, xã L, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

80/ Võ Quốc Kh, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: ấp E, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

81/ Võ Thị Đ, sinh năm: 1977. Nơi cư trú: ấp P, xã L, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

82/ Võ Thị D, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

83/ Võ Thị H, sinh năm: 1969. Nơi cư trú: ấp H, xã L, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

84/ Võ Thị N, sinh năm: 1968. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

85/, sinh năm: 1977. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*

1/ Nguyễn Minh C, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: ấp E, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/ Trần Thị O, sinh năm: 1965. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

3/ Lê Văn L, sinh năm: 1997. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2008, bị cáo Lê Thị H đứng ra đầu làm chủ hụi (đầu thảo) rồi huy động hụi viên tham gia góp hụi, lúc đầu bị cáo H mở các dây hụi tháng có giá thấp từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng và số lượng hụi viên tham gia ít, sau thời gian làm chủ hụi bị cáo H tạo được uy tín nên có nhiều hụi viên tham gia góp hụi. Năm 2012, bị cáo H xây dựng nhà mới nhưng không đủ tiền nên vay bên ngoài với số tiền khoảng 150.000.000 đồng, hàng tháng phải chi trả tiền lãi, đến năm 2018 bị cáo H không còn khả năng trả tiền lãi và không có tiền tiêu xài cá nhân nên chủ động mở thêm nhiều dây hụi có giá trị từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng rồi mạo danh tự ý lấy tên hụi viên hốt hụi và bán hụi khống chiếm đoạt tiền của hụi viên, đến ngày 04/12/2020 bị cáo H tuyên bố vỡ hụi. Tại thời điểm vỡ hụi còn 46 dây hụi chưa kết thúc (chưa mãn hụi) được mở trong thời gian từ ngày 16/12/2018 đến ngày 04/12/2020.

Trong 46 dây hụi chưa kết thúc, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Trà Vinh đã điều tra, xác minh đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Thị H có hành vi gian dối là tự ý lấy tên hụi viên hốt hụi và bán khống phần hụi để chiếm đoạt tiền, cụ thể như sau:

*** Hành vi tự ý lấy tên hụi viên hốt hụi chiếm đoạt, cụ thể như sau:**

- Ngày 10/11/2018 âm lịch (dương lịch ngày 16/12/2018) bị cáo Lê Thị H mở **04** dây hụi **500.000đ**, một tháng khui hụi một lần, gồm:

01. Dây 01: Bị cáo H quy định 26 phần, trong đó có 24 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 25 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **05** phần gồm *"Nga Hùng, Phúc, Chị*

Liên, Bác Chín, Chị Thảo" được số tiền **43.660.000đ,** choàng số tiền **8.600.000đ,** còn lại số tiền **35.060.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 17 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 01 phần, còn 06 phần hụi sống với số tiền thực đóng 44.430.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

02. Dây 02: Bị cáo H quy định 26 phần, trong đó có 24 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 25 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **06** phần gồm*"Nga Hùng, Chị Liên, Chú Tám Sen, Chú Tám Sen, Phúc, Thím Ba Nhứt"* được số tiền **56.000.000đ,** choàng số tiền **7.205.000đ**, còn lại số tiền **48.795.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 17 phần, bị cáo hốt thật 02 phần, còn 07 phần hụi sống với số tiền thực đóng 51.785.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

03. Dây 03: Bị cáo H quy định 26 phần, trong đó có 24 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 25 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **03** phần gồm *"Phúc, Nga Hùng, Phượng An"* được số tiền **22.700.000đ,** choàng số tiền **9.510.000đ**, còn lại số tiền **13.190.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 20 phần, bị cáo hốt thật 02 phần, còn 04 phần hụi sống với số tiền thực đóng 28.900.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

04. Dây 04: Bị cáo H quy định 26 phần, trong đó có 24 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 25 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **05** phần gồm *"Phượng An, Thu Ba, Phúc, Thím Ba Nhứt, Út Lượng"* được số tiền **42.585.000đ,** choàng số tiền **9.115.000đ,** còn lại số tiền **33.470.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 19 phần, bị cáo hốt thật 02 phần, còn 06 phần hụi sống với số tiền thực đóng 44.480.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

- Ngày 25/11/2018 âm lịch (dương lịch ngày 31/12/2018) bị cáo Lê Thị H mở **02** dây hụi **500.000đ**, một tháng khui hụi một lần, gồm:

05. Dây 01: Bị cáo H quy định 27 phần, trong đó có 25 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 24 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **06** phần gồm *"Phúc, Trinh, Cô Mây, Bác Chín, Hiếu, Khởi"* được số tiền **50.630.000đ,** choàng số tiền **12.845.000đ,** còn lại số tiền **37.785.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 16 phần, bị cáo hốt thật 02 phần, còn 09 phần hụi sống với số tiền thực đóng 62.625.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

06. Dây 02: Bị cáo H quy định 27 phần, trong đó có 25 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 24 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **06** phần gồm *"Hiếu, Trinh, Khởi, Chị Điệp, Cô Mây, Phúc"* được số tiền **47.110.000đ,** choàng số tiền **15.510.000đ,**

còn lại số tiền **31.600.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 16 phần, bị cáo hốt thật 02 phần, còn 09 phần hụi sống với số tiền thực đóng 62.190.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

- Ngày 05/3/2019 âm lịch (dương lịch ngày 09/4/2019) bị cáo Lê Thị H mở **06** dây hụi **500.000đ**, một tháng khui hụi một lần, gồm:

07. Dây 01: Bị cáo H quy định 25 phần, trong đó có 23 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 21 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **06** phần gồm *"Bác Chín, Phúc, Chị Bảy Tài, Thím Ba Nhứt, Hùng, Hùng"* được số tiền **47.920.000đ,** choàng số tiền **8.800.000đ,** còn lại số tiền **39.120.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 13 phần, bị cáo hốt thật 02 phần, còn 10 phần hụi sống với số tiền thực đóng 60.400.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

08. Dây 02: Bị cáo H quy định 25 phần, trong đó có 23 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 21 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **04** phần gồm *"Bác Chín, Hùng, Hùng, Chị Trang"* được số tiền **35.050.000đ,** choàng số tiền **4.200.000đ,** còn lại số tiền **30.850.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 14 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 01 phần, còn 08 phần hụi sống với số tiền thực đóng 48.240.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

09. Dây 03: Bị cáo H quy định 25 phần, trong đó có 22 phần của hụi viên tham gia còn 03 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 21 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **09** phần gồm *"Phúc, Kiều Chín, Kiều Chín, Chị Trang T, Chị Bảy Tài, Chị Bảy Tài, Bác Chín, Hùng, Hùng"* được số tiền **71.785.000đ,** choàng số tiền **2.585.000đ,** còn lại số tiền **69.200.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 08 phần, bị cáo hốt thật 03 phần và mượn hụi hốt 01 phần, còn 13 phần hụi sống với số tiền thực đóng 79.950.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

10. Dây 04: Bị cáo H quy định 25 phần, trong đó có 23 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 21 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **07** phần gồm *"Chị Tú Anh, Chú Tám Sen, Phúc, Kiều Chín, Kiều Chín, Hồng Nhiên, Vợ Hậu"* được số tiền **58.520.000đ,** choàng số tiền **4.105.000đ,** còn lại số tiền **54.415.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 10 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 11 phần hụi sống với số tiền thực đóng 68.365.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

11. Dây 05: Bị cáo H quy định 25 phần, trong đó có 23 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 21 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **06** phần gồm *"Vui, Chú Tám Sen, Phúc, Chú Mười, Chị Kiều, Anh Thương"* được số tiền **50.685.000đ,** choàng số tiền

4.485.000đ, còn lại số tiền **46.200.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 11 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 10 phần hụi sống với số tiền thực đóng 60.600.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

12. Dây 06: Bị cáo H quy định 25 phần, trong đó có 23 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 21 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **05** phần gồm *"Tâm Chị Kiều, Anh Thương, Vui, Vợ Hậu, Chú Tám"* được số tiền **40.900.000đ,** choàng số tiền **5.205.000đ,** còn lại số tiền **35.695.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 12 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 09 phần hụi sống với số tiền thực đóng 55.800.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

- Ngày 20/3/2019 âm lịch (dương lịch ngày 24/4/2019) bị cáo Lê Thị H mở **02** dây hụi **500.000đ**, một tháng khui hụi một lần, gồm:

13. Dây 01: Bị cáo H quy định 27 phần, trong đó có 25 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 20 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **05** phần gồm *"Thơ, Chị Kiều, Phúc, Chị Sáu Dung, Vợ Hậu"* được số tiền **45.765.000đ,** choàng số tiền **3.120.000đ,** còn lại số tiền **42.645.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 11 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 12 phần hụi sống với số tiền thực đóng 69.120.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

14. Dây 02: Bị cáo H quy định 27 phần, trong đó có 25 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 20 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **05** phần gồm *"Thơ, Phúc, Bác Chín, Thắm, Chị Năm Công"* được số tiền **44.860.000đ,** choàng số tiền **5.245.000đ,** còn lại số tiền **39.615.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 12 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 01 phần, còn 12 phần hụi sống với số tiền thực đóng 69.960.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

- Ngày 30/5/2019 âm lịch (dương lịch ngày 02/7/2019) bị cáo Lê Thị H mở **03** dây hụi **1.000.000đ**, một tháng khui hụi một lần, gồm:

15. Dây 01: Bị cáo H quy định 24 phần, trong đó có 23 phần của hụi viên tham gia còn 01 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 18 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **07** phần gồm *"Nga Hùng, Chú Tám, Anh Thanh, Chi Tùng, Vợ Đợi, Thím Bảy Gồng, Thảo"* được số tiền **101.400.000đ,** choàng số tiền **16.400.000đ,** còn lại số tiền **85.000.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 08 phần, bị cáo hốt thật 01 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 13 phần hụi sống với số tiền thực đóng 135.850.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

16. Dây 02: Bị cáo H quy định 24 phần, trong đó có 22 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 18 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **08** phần gồm *"Anh Thanh, Trinh, Chú Tám, Cô Mây, Chị điệp, Chi Tùng, Chị Năm Tín, Phúc"* được số tiền **117.350.000đ,** choàng số tiền **6.720.000đ,** còn lại số tiền **110.630.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 06 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 14 phần hụi sống với số tiền thực đóng 146.170.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

17. Dây 03: Bị cáo H quy định 24 phần, trong đó có 23 phần của hụi viên tham gia còn 01 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 18 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **07** phần gồm *"Thùy, Vợ Tâm, Thùy ST, Vui, Vợ Hận, Trinh, Phúc"* được số tiền **108.300.000đ,** choàng số tiền **11.200.000đ,** còn lại số tiền **97.100.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 08 phần, bị cáo hốt thật 01 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 13 phần hụi sống với số tiền thực đóng 135.200.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

- Ngày 20/6/2019 âm lịch (dương lịch ngày 22/7/2019) bị cáo Lê Thị H mở **02** dây hụi **1.000.000đ**, một tháng khui hụi một lần, gồm:

18. Dây 01: Bị cáo H quy định 25 phần, trong đó có 22 phần của hụi viên tham gia còn 03 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 17 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **04** phần gồm *"Chị Phượng, Linh, Thảo HH, Thùy"* được số tiền **61.100.000đ,** choàng số tiền **3.600.000đ,** còn lại số tiền **57.500.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 08 phần, bị cáo hốt thật 03 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 12 phần hụi sống với số tiền thực đóng 118.200.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

19. Dây 02: Bị cáo H quy định 25 phần, trong đó có 23 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 17 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **05** phần gồm *"Thùy, Nga Hùng, Thệ, Thảo HH, Phúc Em Vui"* được số tiền **85.000.000đ,** choàng số tiền **4.000.000đ,** còn lại số tiền **81.000.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 10 phần, bị cáo hốt thật 02 phần, còn 13 phần hụi sống với số tiền thực đóng 128.050.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

- Ngày 25/8/2019 âm lịch (dương lịch ngày 23/9/2019) bị cáo Lê Thị H mở **05** dây hụi **500.000đ**, một tháng khui hụi một lần, gồm:

20. Dây 01: Bị cáo H quy định 26 phần, trong đó có 24 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 15 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **03** phần gồm *"Vui, Phúc, Tiên Phúc"* được số tiền **25.200.000đ,** choàng số tiền **1.200.000đ,** còn lại số tiền **24.000.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 08 phần, bị cáo hốt

thật 02 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 14 phần hụi sống với số tiền thực đóng 61.810.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

21. Dây 02: Bị cáo H quy định 26 phần, trong đó có 24 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 15 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **03** phần gồm *"Chú Tám, Vui, Phúc"* được số tiền **24.800.000đ,** choàng số tiền **1.600.000đ,** còn lại số tiền **23.200.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 08 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 14 phần hụi sống với số tiền thực đóng 61.810.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

22. Dây 03: Bị cáo H quy định 26 phần, trong đó có 23 phần của hụi viên tham gia còn 03 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 15 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **04** phần gồm *"Trong TĐ, Mừng, Phúc, Tiên Phúc"* được số tiền **30.200.000đ,** choàng số tiền **1.400.000đ,** còn lại số tiền **28.800.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 05 phần, bị cáo hốt thật 03 phần và mượn hụi hốt 03 phần, còn 15 phần hụi sống với số tiền thực đóng 66.225.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

23. Dây 04: Bị cáo H quy định 26 phần, trong đó có 23 phần của hụi viên tham gia còn 03 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 15 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **05** phần gồm *"Mừng, Vợ Hậu, Chị Út, Trong TĐ, Út Niệm"* được số tiền **38.040.000đ** bị cáo chiếm đoạt hết do không có có choàng hụi. Hụi viên tham gia thật hốt 05 phần, bị cáo hốt thật 03 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 16 phần hụi sống với số tiền thực đóng 70.640.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

24. Dây 05: Bị cáo H quy định 26 phần, trong đó có 23 phần của hụi viên tham gia còn 03 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 15 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **05** phần gồm *"Mến, Mừng, Thím Hai Luyến, Trong TĐ, Chị Út"* được số tiền **36.155.000đ,** choàng số tiền **2.870.000đ,** còn lại số tiền **33.285.000** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 06 phần, bị cáo hốt thật 03 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 15 phần hụi sống với số tiền thực đóng 66.225.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

- Ngày 10/9/2019 âm lịch (dương lịch ngày 08/10/2019) bị cáo Lê Thị H mở **02** dây hụi **1.000.000đ**, một tháng khui hụi một lần, gồm:

25. Dây 01: Bị cáo H quy định 21 phần, trong đó có 19 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 15 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **01** phần gồm *"Phúc"* được số tiền **12.400.000đ,** choàng số tiền **2.800.000đ,** còn lại số tiền **9.600.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 10 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 07 phần hụi sống với số tiền thực đóng 63.910.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

26. Dây 02: Bị cáo H quy định 21 phần, trong đó có 19 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 15 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **03** phần gồm *"Thím Bảy Gồng, Phúc, Phúc"* được số tiền **41.000.000đ,** choàng số tiền **1.600.000đ,** còn lại số tiền **39.400.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 07 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 03 phần, còn 09 phần hụi sống với số tiền thực đóng 79.200.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

- Ngày 05/10/2019 âm lịch (dương lịch ngày 01/11/2019) bị cáo Lê Thị H mở **02** dây hụi **1.000.000đ**, một tháng khui hụi một lần, gồm:

27. Dây 01: Bị cáo H quy định 18 phần, trong đó có 16 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 14 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **02** phần gồm *"Cô Mây, Phúc"* được số tiền **21.100.000đ,** choàng số tiền **400.000đ,** còn lại số tiền **20.700.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 07 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 03 phần, còn 06 phần hụi sống với số tiền thực đóng 54.120.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

28. Dây 02: Bị cáo H quy định 18 phần, trong đó có 16 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 14 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **03** phần gồm *"Vợ Việt, Thùy, Nhanh"* được số tiền **35.140.000đ,** choàng số tiền **4.020.000đ,** còn lại số tiền **31.120.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 07 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 07 phần hụi sống với số tiền thực đóng 61.870.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

- Ngày 15/12/2019 âm lịch (dương lịch ngày 09/01/2020) bị cáo Lê Thị H mở **04** dây hụi **500.000đ**, một tháng khui hụi một lần, gồm:

29. Dây 01: Bị cáo H quy định 25 phần, trong đó có 22 phần của hụi viên tham gia còn 03 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 12 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **02** phần gồm *"Vui, Vui"* được số tiền **14.400.000đ,** choàng số tiền **800.000đ,** còn lại số tiền **13.600.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 04 phần, bị cáo hốt thật 03 phần và mượn hụi hốt 03 phần, còn 15 phần hụi sống với số tiền thực đóng 54.525.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

30. Dây 02: Bị cáo H quy định 25 phần, trong đó có 23 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 12 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **02** phần gồm *"Vui, Dì Năm Diền"* được số tiền **16.360.000đ,** choàng số tiền **200.000đ,** còn lại số tiền **16.160.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 06 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 15 phần hụi sống với số tiền thực đóng 54.225.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

31. Dây 03: Bị cáo H quy định 25 phần, trong đó có 23 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 12 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **03** phần gồm *"Chị Kiều, Chú Tám, Dì Năm Diền"* được số tiền **23.600.000đ,** choàng số tiền **400.000đ,** còn lại số tiền **23.200.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 06 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 01 phần, còn 16 phần hụi sống với số tiền thực đóng 57.220.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

32. Dây 04: Bị cáo H quy định 25 phần, trong đó có 22 phần của hụi viên tham gia còn 03 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 12 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **03** phần gồm *"Chú Tám, Dân Hiền, Thùy HH"* được số tiền **20.700.000đ,** choàng số tiền **1.200.000đ,** còn lại số tiền **19.500.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 04 phần, bị cáo hốt thật 03 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 16 phần hụi sống với số tiền thực đóng 56.900.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

- Ngày 30/01/2020 âm lịch (dương lịch ngày 22/02/2020) bị cáo Lê Thị H mở **03** dây hụi **500.000đ**, một tháng khui hụi một lần, gồm:

33. Dây 01: Bị cáo H quy định 27 phần, trong đó có 25 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 10 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **03** phần gồm *"Chị Phượng, Cô Bảy Của, Vui"* được số tiền **24.220.000đ,** choàng số tiền **2.000.000đ,** còn lại số tiền **22.220.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 04 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 01 phần, còn 20 phần hụi sống với số tiền thực đóng 61.200.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

34. Dây 02: Bị cáo H quy định 27 phần, trong đó có 25 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 10 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **02** phần gồm *"Cô Bảy Của, Vui"* được số tiền **16.200.000đ,** choàng số tiền **1.200.000đ,** còn lại số tiền **15.000.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 06 phần, bị cáo hốt thật 02 phần, còn 19 phần hụi sống với số tiền thực đóng 57.570.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

35. Dây 03: Bị cáo H quy định 27 phần, trong đó có 25 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 10 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **03** phần gồm *"Chị Kiều, Yến Nhi, Lâm"* được số tiền **24.500.000đ,** choàng số tiền **400.000đ,** còn lại số tiền **24.100.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 03 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 20 phần hụi sống với số tiền thực đóng 61.200.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

- Ngày 15/5/2020 âm lịch (dương lịch ngày 05/7/2020) bị cáo Lê Thị H mở **02** dây hụi **1.000.000đ**, một tháng khui hụi một lần, gồm:

36. Dây 01: Bị cáo H quy định 24 phần, trong đó có 22 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 06 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **01** phần của *"Vợ Hậu"* được số tiền **13.600.000đ** bị cáo chiếm đoạt hết do không có choàng hụi. Hụi viên tham gia thật hốt 01 phần, bị cáo hốt thật 02 phần và mượn hụi hốt 02 phần, còn 19 phần hụi sống với số tiền thực đóng 69.350.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

37. Dây 02: Bị cáo H quy định 24 phần, trong đó có 22 phần của hụi viên tham gia còn 02 phần của bị cáo, đến khi vỡ hụi đã mở được 06 kỳ khui hụi. Bị cáo mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **01** phần của *"Chị Kiều"* được số tiền **14.400.000đ**, sau đó trả cho hụi viên "Chị Kiều" số tiền **6.000.000đ** còn lại số tiền **8.400.000đ** bị cáo chiếm đoạt. Hụi viên tham gia thật hốt 03 phần, bị cáo hốt thật 02 phần, còn 19 phần hụi sống với số tiền thực đóng 69.350.000đ (có bảng kê chi tiết và danh sách bị hại).

*** Hành vi bán hụi khống**:

Trong thời gian làm chủ hụi bị cáo H đưa ra thông tin gian dối "có hụi viên kêu bán hụi nhưng thực tế không có" để bị hại Bùi Thị L, sinh năm 1977, cư trú ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh và bị hại Phạm Thị H, sinh năm 1980, cư trú ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh tin tưởng thật nên đưa tiền cho bị cáo mua **07** phần hụi rồi bị cáo chiếm đoạt tổng số tiền **84.990.000 đồng,** cụ thể như sau:

+ Tại kỳ khui hụi thứ 05 của dây số 01, hụi 1.000.000đ mở ngày 15/5/2020 âm lịch (dương lịch ngày 05/7/2020) bị hại Lượm đưa số tiền 31.000.000đ cho bị cáo H để mua **02** phần, sau khi nhận tiền bị cáo H có trả tiền phát sinh lời cho bị hại Lượm số tiền 800.000đ, còn lại số tiền **30.200.000đ** bị cáo H chiếm đoạt.

+ Tại kỳ khui hụi thứ 04 của dây số 02 hụi 1.000.000đ mở ngày 15/5/2020 âm lịch (dương lịch ngày 05/7/2020) bị hại Lượm đưa số tiền 30.200.000đ cho bị cáo H để mua **02** phần, sau khi nhận tiền bị cáo H có trả tiền phát sinh lời cho bị hại Lượm số tiền 800.000đ, còn lại số tiền **29.400.000đ** bị cáo H chiếm đoạt.

+ Tại kỳ khui hụi thứ 09 của dây 500.000đ mở ngày 15/12/2019 âm lịch (dương lịch ngày 09/01/2020) bị hại Lượm đưa số tiền 17.100.000đ cho bị cáo H để mua **02** phần, sau khi nhận tiền bị cáo H có trả tiền phát sinh lời cho bị hại Lượm số tiền 1.160.000đ, còn lại số tiền **15.940.000đ** bị cáo H chiếm đoạt.

+ Tại kỳ khui hụi thứ 03 của dây số 01, hụi 1.000.000đ mở ngày 20/6/2019 âm lịch (dương lịch ngày 22/7/2019) bị hại Hiền đưa số tiền 15.300.000đ cho bị cáo H để mua **01** phần, sau khi nhận tiền bị cáo H có trả tiền phát sinh lời cho bị hại Hiền số tiền 5.850.000đ, còn lại số tiền **9.450.000đ** bị cáo H chiếm đoạt.

Như vậy, đối với **46** dây hụi chưa kết thúc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Trà Vinh đã điều tra, xác minh đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Thị H có hành

vi gian dối trong **37** dây hụi là mạo danh (tự ý lấy tên hụi viên) hốt **158** phần hụi chiếm đoạt số tiền **1.392.795.000 đồng** và bán khống **07** phần hụi chiếm đoạt số tiền **84.990.000 đồng,** tổng số tiền chiếm đoạt là **1.477.785.000 đồng** (Một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng) của **85** bị hại. (Bút lục: 286-318, 786- 885, 953-1080)

***** Đối với **09** dây hụi bị cáo Lê Thị H không có hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của hụi viên (không có mạo danh hụi viên hốt hụi), Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định đây là giao dịch dân sự, cụ thể các dây hụi sau:

+ Hụi 500.000đ/phần, một tháng khui hụi một lần, dây hụi số 01, số 02, số 03 mở cùng ngày 30/5/2020 âm lịch (dương lịch ngày 19/7/2020).

+ Hụi 500.000đ/phần, một tháng khui hụi một lần, dây hụi số 01, số 02 mở cùng ngày 15/6/2020 âm lịch (dương lịch ngày 04/8/2020).

+ Hụi 500.000đ/phần, một tháng khui hụi một lần, dây hụi số 01, số 02 mở cùng ngày 05/8/2020 âm lịch (dương lịch ngày 21/9/2020).

+ Hụi 500.000đ/phần, một tháng khui hụi một lần, dây hụi số 01, số 02 mở cùng ngày 10/8/2020 âm lịch (dương lịch ngày 26/9/2020).

Tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKS-P1 ngày 24/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh quy kết bị cáo Lê Thị H gian dối chiếm đoạt số tiền 1,477,785,000 đồng và quyết định truy tố Lê Thị H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự, khung hình phạt tù từ 12 đến 20 năm hoặc tù chung thân.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo và thừa nhận bản cáo trạng mô tả và truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng với hành vi của bị cáo thực hiện, bị cáo không có ý kiến gì về Bản cáo trạng và không kêu oan, không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì mới tại phiên tòa, Bị cáo thừa nhận trong quá trình điều tra, truy tố là do bị cáo tự khai, lời khai của bị cáo hoàn toàn đúng với hành vi của bị cáo thực hiện.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đồng ý trả cho các bị hại có yêu cầu số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt trong vụ án.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả đối chất, tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay đã thể hiện. Thời gian làm đầu thảo hụi đến năm 2012 để có tiền tiêu xài cá nhân, trả tiền lãi cho các khoản vay nên bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của các hụi viên nên bị cáo đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của các hụi viên, bằng thủ đoạn mở ra các dây hụi để lấy tên của các hụi viên để hốt hụi, bán hụi khống nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của hụi viên. Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 12 năm 2020, bị cáo Lê Thị H đã tự ý lấy tên của các hụi viên hốt 158 phần hụi chiếm đoạt số tiền 1.392.795.000 đồng và bán khống 07 phần hụi chiếm đoạt số tiền 84.990.000 đồng. Hậu quả bị cáo chiếm đoạt tiền của các bị hại trong 37 dây hụi tổng số

tiền 1.477.785.000đ (Một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Vì vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, Vị Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo và phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Điều 38 Bộ Luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 08 năm đến 10 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 03 tháng 12 năm 2022.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, Buộc bị cáo bồi thường cho 85 bị hại có yêu cầu số tiền mà bị cáo chiếm đoạt và trừ ra số tiền bị cáo đã khắc phục một phần với tổng số tiền 39.950.000 đồng gồm 17 bị hại gồm Châu Thị H, Đặng Thị H, Dương Thị Tr, Huỳnh Minh H, Lưu Thị Mỹ G, Mạch Thị Kim D, Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Trúc L, Phạm Thị G, Phạm Thị H, Phạm Thị P, Phạm Thị Ơ, Sơn Thị Mỹ L, Tăng Thị Hồng L, Trương Thị Hồng S, Võ Quốc Kh, Võ Thị D, sau khi vỡ hụi.

Đối với 17 bị hại tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt, Biện Thị Nh, Biện Thị Th, Biện Thị C, Đặng Thị H, Huỳnh Văn M, Lê Thị Giàu E, Dương Văn Đ, Lê Thị Th, Lý Thị Ngọc Th, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Ư, Nguyễn Văn T, Quách Minh T, Lê Thị N, Mạch Thị Kim D, Trần Thị Y, Võ Thị D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn có nêu rõ không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bị chiếm đoạt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng mà anh Lê Văn L đã nộp khắc phục hậu quả và tại phiên tòa hôm nay anh Lê Văn L tự nguyện giao để khắc phục hậu quả cho bị cáo Lê Thị H, Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, Vị còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và dành quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lê Thị H: Vị hoàn toàn thống nhất với Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình khắc hậu quả, gia đình bị cáo có nhiều người tham gia cách mạng được Đảng và Nhà nước ghi nhận. Từ những nhận định phân tích nêu trên thống nhất đề nghị của Vị kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Vị thống nhất quan điểm của kiểm sát viên phát biểu trong bản luận tội.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Thị H: Bị cáo xin lỗi các bị hại, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình đi làm kiếm tiền trả cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị hại và người có liên quan vắng mặt nhưng có đơn xét xử vắng mặt hợp lệ nên việc vắng mặt của đương sự là có lý do.

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thống nhất với nội dung bản Cáo trạng số 29/CT-VKS-P1 ngày 24/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã mô tả. Bị cáo thừa nhận để có tiền tiêu xài cá nhân, trả tiền lãi cho các khoản vay nên bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của các hụi viên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của các hụi viên, bằng thủ đoạn tự ý lấy tên của các hụi viên để hốt hụi, bán hụi khống nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của hụi viên. Hậu quả bị cáo chiếm đoạt tiền của các bị hại trong 37 dây hụi tổng số tiền 1.477.785.000đ (Một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng), rồi tuyên bố vỡ hụi. Lời khai xác nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là nhất quán, không thay đổi, phù hợp với lời khai của các bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra đã thu thập chứng minh và đối chất. Do đó có căn cứ xác định, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Lê Thị H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[3] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại đều bị xử lý theo quy định Bộ luật Hình sự. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định Điều 12 Bộ luật Hình sự.

Với tuổi đời của bị cáo, bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng lòng tin của người khác để thực hiện hành vi gian dối để họ tin đó là thật để chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Trước khi thực hiện hành vi bị cáo nắm rất rõ thói quen sự tin tưởng của các bị hại, ít đi khui hụi, thiếu sự kiểm tra tổng số hụi viên tham gia trong các dây hụi nên có ý định sẽ mở các dây hụi để bán hụi khống, lấy tên của các hụi viên tham gia thật để hốt hụi, nhằm chiếm đoạt tiền của các hụi viên và ý định đó bị cáo đã thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp và thực hiện tội phạm nhiều lần, đối với nhiều người, số tiền chiếm đoạt lớn. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

[4] Từ khi Bộ luật dân sự ghi nhận việc góp hụi là giao dịch dân sự cho đến nay tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức chơi hụi chủ hụi dùng nhiều thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền hụi viên liên tục tăng và mức độ phạm tội ngày càng tinh vi, số tiền chiếm đoạt ngày càng lớn làm cho tình hình xã hội mất trật tự, để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử cần xử lý bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án nhằm giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo để xem xét toàn diện, khách quan khi quyết định hình phạt đối với bị cáo: Về tình tiết tăng nặng: bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội và mỗi lần thực hiện đều đủ định lượng cấu thành tội phạm, do đó bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo thuộc thành phần lao động có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo có nhiều người công với cách mạng, bị cáo chủ động khắc phục thiệt hại số tiền 39.950.000 đồng, sau khi phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động gia đình nộp tại Cục thi hành án với số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục cho các bị hại, tại phiên tòa một số bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nhân thân tốt, vì vậy Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất khung hình phạt mà bị cáo truy tố xét xử.

[5] Về bồi thường trách nhiệm dân sự:

Đối với 17 bị hại gồm Biện Thị Nh, Biện Thị Th, Biện Thị C, Đặng Thị H, Huỳnh Minh M, Lê Thị Giàu E, Dương Văn Đ, Lê Thị Th, Lý Thị Ngọc Th,

Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Ư, Nguyễn Văn T, Quách Minh T, Lê Thị N, Mạch Thị Kim D, Trần Thị Y, Võ Thị D tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền chiếm đoạt và bị hại vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn có nêu rõ không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bị chiếm đoạt tổng số tiền là 91.299.685 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền các bị hại còn lại có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại vì vậy Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho 68 bị hại số tiền 1.352.835.317 đồng.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng tại phiên tòa hôm nay anh Lê Văn L con bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả cho bị cáo. Tại phiên tòa anh Lên không yêu cầu trả lại và đồng ý giao số tiền trên cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý số tiền để đảm bảo thi hành án.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh, quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo, phù hợp với nhận định nêu trên và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Buộc bị cáo Lê Thị H phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03 tháng 12 năm 2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 588 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Ghi nhận tự thỏa thuận giữa bị cáo Lê Thị H và các bị hại. Buộc bị cáo Lê Thị H tiếp tục bồi thường số tiền chiếm đoạt còn lại cho bị hại với tổng số tiền 1.352.835.317đ (Một tỷ ba trăm năm mươi hai triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm mười bảy đồng) cụ thể như sau:

1/ Biện Thị Ch số tiền 2.706.250 đồng
2/ Biện Thị Nh số tiền 18.856.006 đồng
3/ Châu Thị H số tiền 45.332.627 đồng
4/ Đặng Thị L số tiền 14.905.000 đồng
5/ Đỗ Thị Huỳnh L số tiền 442.105 đồng

6/ Đỗ Thị Bích V số tiền 715.789 đồng
7/ Dương Thị Tr số tiền 32.226.339 đồng
8/ Hồ Thị Bé Ch số tiền 1.679.605 đồng
9/ Hồ Thị Lan Th số tiền 1.097.333 đồng
10/ Hồ Thị Tr số tiền 36.076.290 đồng
11/ Huỳnh Minh H số tiền 6.742.778 đồng
12/ Huỳnh Thanh E số tiền 4.710.250 đồng
13/ Huỳnh Thị Hồng E số tiền 21.753.991 đồng
14/ Huỳnh Thị N số tiền 2.080.313 đồng
15/ Huỳnh Thị A số tiền 4.887.820 đồng
16/ Kim Thị D số tiền 5.645.000 đồng
17/ Lê Ngọc T số tiền 1.468.750 đồng
18/ Lê Thanh S số tiền 2.080.313 đồng
19/ Lê Thị K số tiền 86.457.170 đồng
20/ Lê Thị Hồng R số tiền 16.766.721 đồng
21/ Lê Thị O số tiền 33.590.548 đồng
22/ Lê Thị Thu N số tiền 35.719.216 đồng
23/ Lê Thị T số tiền 3.152.368 đồng
24/ Lê Thị U số tiền 14.440.604 đồng
25/ Lê Thị X số tiền 6.372.251 đồng
26/ Lê Văn D số tiền 6.377.813 đồng
27/ Lê Văn V số tiền 49.263.247 đồng
28/ Lư Thanh S số tiền 8.586.111 đồng
29/ Lưu Thị Mỹ G số tiền 2.605474 đồng
30/ Nguyễn Phượng H số tiền 10.676.484 đồng
31/ Nguyễn Thị Cẩm T số tiền 12.348.987 đồng
32/ Nguyễn Thị X số tiền 15.131.500 đồng
33/ Nguyễn Thị Kiều A số tiền 77.943.414 đồng
34/ Nguyễn Thị Ph số tiền 4.457.813 đồng
35/ Nguyễn Thị Thu H số tiền 2.004.000 đồng
36/ Nguyễn Thị Thu T số tiền 20.666.371 đồng
37/ Nguyễn Thị Q, sinh năm 1964 số tiền 4.506.250 đồng
38/ Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 số tiền 906.667 đồng
39/ Nguyễn Thị Trúc L số tiền 8.102.748 đồng
40/ Nguyễn Thị Tú A số tiền 35.512.860 đồng
41/ Nguyễn Văn K số tiền 3.148.355 đồng
42/ Nguyễn Văn S số tiền 35.376.501 đồng
43/ Nguyễn Văn Th số tiền 1.600.000 đồng
44/ Phạm Thị B số tiền 12.357.417 đồng
45/ Phạm Thị G số tiền 11.621.239 đồng
46/ Phạm Thị H số tiền 23.290.604 đồng
47/ Phạm Thị P số tiền 8.867.000 đồng
48/ Phạm Thị Ơ số tiền 7.165.750 đồng
49/ Phan Thị I số tiền 7.769.694 đồng
50/ Quách Thị Ch số tiền 51.818.587 đồng

51/ Quách Thị C số tiền 138.763.204 đồng
52/ Quách Thị V số tiền 5.645.000 đồng
53/ Quách Thị R số tiền 2.377.500 đồng
54/ Quách Thùy Trang số tiền 27.189.431 đồng
55/ Sơn Thị Mỹ L số tiền 15.457.698 đồng
56/ Tăng Thị Hồng L số tiền 60.925.606 đồng
57/ Tô Thị Y số tiền 5,381,563 đồng
58/ Trần Anh Tuyết Ph số tiền 29.584.325 đồng
59/ Trần Thị M số tiền 4.445.714 đồng
60/ Trần Thị D số tiền 53.288.340 đồng
61/ Trần Thị P số tiền 7.668.929 đồng
62/ Trần Thúy O số tiền 6.377.813 đồng
63/ Trương Thị Hồng S số tiền 26.380.778 đồng
64/ Võ Quốc Kh số tiền 3.458.567 đồng
65/ Võ Thị Đ số tiền 45.252.134 đồng
66/ Võ Thị H số tiền 15.371.374 đồng
67/ Võ Thị N số tiền 7.717.018 đồng
68/ Bùi Thị L số tiền 75.540.000 đồng

Đối với 17 bị hại gồm Biện Thị Nh, Biện Thị Th, Biện Thị C, Đặng Thị H, Nguyễn Minh Mến, Lê Thị Giàu E, Dương Văn Đ, Lê Thị Th, Lý Thị Ngọc Th, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Ư, Nguyễn Văn T, Quách Minh T, Lê Thị N, Mạch Thị Kim D, Trần Thị Y, Võ Thị D tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền chiếm đoạt, và bị hại vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn có nêu rõ không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bị chiếm đoạt tổng số tiền là 91.299.685 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Giao Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để đảm bảo thi hành bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Lê Thị H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 52.585.060 đ (năm mươi hai triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án".

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên, đối với các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- TTG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- CA huyện C;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Đương sự;
- Luật sư;
- Lưu.

TM, HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thành